

## 停止外來人口自動延期措施 QA

### Hỏi – đáp về chính sách tự động gia hạn thời gian lưu trú của người nước ngoài

Q1 : 我是自動延期措施的適用對象，何時要離境？

Tôi là trường hợp áp dụng chính sách tự động gia hạn thời gian lưu trú, vậy khi nào tôi phải xuất cảnh?

A1 : 配合我國邊境檢疫鬆綁，針對 109 年 3 月 21 日（含）以前入國（境），且尚合法在臺停留之外國人、中港澳人士及臺灣地區無戶籍國民，其在臺停留期限於 111 年（以下同）10 月 5 日實施結束後，即不再辦理，但是考量自動延長停留期限措施適用對象之停留期限自 11 月 4 日起陸續屆期，為了讓外來人口預作離境規劃及行程安排，在 11 月 30 日前離境者均不視為逾期停留，請相關外來人口於屆期前離境。詳細說明如下：

Phối hợp với việc nới lỏng kiểm dịch trong nước, sau khi kết thúc đợt gia hạn vào ngày 5 tháng 10 năm 2022 cho người nước ngoài, người Trung Quốc, Hồng Kông, Ma Cao và công dân không đăng ký hộ khẩu tại Đài Loan – những người vẫn đang trong thời gian lưu trú hợp pháp tại Đài Loan, thì chính sách này sẽ không còn tiếp tục thực hiện nữa. Tuy nhiên, xét thấy thời hạn lưu trú của nhiều trường hợp áp dụng chính sách tự động gia hạn sẽ lần lượt hết hạn vào ngày 4 tháng 11 trở ra. Để họ có thời gian lên kế hoạch và sắp xếp lịch trình xuất cảnh, nên nếu xuất cảnh trước ngày 30 tháng 11 cũng sẽ không bị tính là cư trú quá thời hạn. Những trường hợp

liên quan cần chú ý đến thời gian xuất cảnh để không bị vượt quá thời hạn.

Thông tin chi tiết như dưới đây:

- 一、停留期限於 11 月 30 日前者：11 月 30 日前離境均不視為逾期停留；如 12 月 1 日(含)後始離境，逾期天數之計算，自經自動延期後合法停留期限屆滿日之翌日起算。

Những người có thời hạn lưu trú trước ngày 30 tháng 11: việc xuất cảnh trước ngày 30 tháng 11 sẽ không tính là quá hạn lưu trú; nếu xuất cảnh sau ngày 1 tháng 12, ngày quá hạn sẽ được tính từ ngày thứ 2 sau ngày hết hạn lưu trú hợp pháp được tự động gia hạn trước đó.

- 二、停留期限於 12 月 1 日(含)後者：須於經自動延期後合法停留期限屆滿日前離境；如逾停留期限屆滿日始離境，逾期天數之計算，自經自動延期後合法停留期限屆滿日之翌日起算。

Những người có thời hạn lưu trú đến sau ngày 1 tháng 12: cần xuất cảnh trước ngày hết hạn thời gian lưu trú hợp pháp được tự động gia hạn trước đó. Nếu xuất cảnh sau ngày hết hạn lưu trú, số ngày quá hạn được tính bắt đầu từ ngày thứ 2 sau ngày hết hạn thời gian lưu trú hợp pháp được tự động gia hạn trước đó.

Q2: 怎麼知道我的停留期限? 離境前有需要辦理什麼手續嗎?

Làm thế nào để biết được thời hạn lưu trú của tôi? Trước khi xuất cảnh có cần hoàn thành thủ tục gì không?

A2: 建議民眾離境前可攜帶護照/入出境許可證至本署各直轄市、縣(市)服務站，本署屆時將在護照/入出境許可證上蓋停留期限章戳；或可以提前至機場辦理離境手續，以利本署機場查驗人員查證停留期限。

Khuyến nghị mọi người, trước khi xuất cảnh nên mang theo hộ chiếu/ giấy phép xuất nhập cảnh đến các trạm dịch vụ của Sở tại các huyện, thị trực thuộc để đóng dấu thời hạn lưu trú lên hộ chiếu/ giấy phép xuất nhập cảnh. Mọi người cũng có thể đến sân bay trước giờ quy định làm thủ tục khởi hành để nhân viên kiểm tra sân bay của Sở xác nhận thời hạn lưu trú.

Q3: 我會不會因為沒有可以證明已經辦理延期停留的文件，以致於在機場出境時被認為逾期停留，而遭移民署裁罰？

Khi xuất cảnh tại sân bay, tôi có bị Sở Di dân phạt vì cho rằng ở quá thời hạn lưu trú do không có giấy tờ chứng minh đã làm thủ tục gia hạn lưu trú không?

A3: 經本署機場查驗人員查證後，如您為自動延期措施的適用對象，仍於合法停留期間者，就不會有因逾期停留而被裁罰的問題。

Sau khi nhân viên kiểm tra của Sở tại sân bay xác nhận bạn là người được áp dụng chính sách tự động gia hạn, hơn nữa bạn vẫn trong thời gian lưu trú hợp pháp, thì sẽ không bị phạt do vấn đề lưu trú quá thời hạn.

Q4：如果有特殊情況，可不可以延長在臺停留期間？

Nếu gặp trường hợp đặc biệt, có thể kéo dài thời hạn lưu trú tại Đài Loan không?

A4：停留期限屆滿前，如有下列情形之一，得檢附相關證明文件向本署各直轄市、縣(市)服務站申請延長在臺停留期間：

Trước khi hết hạn lưu trú, nếu gặp một trong những tình huống dưới đây, cần mang theo giấy tờ chứng minh đến trạm dịch vụ của Sở tại các huyện, thị trực thuộc để làm thủ tục kéo dài thời gian lưu trú:

一、懷胎 7 個月以上或生產、流產後 2 個月未滿。

Mang thai trên 7 tháng hoặc mới sinh, mới bị sẩy thai chưa đủ 2 tháng.

二、罹患疾病住院或懷胎等，出國有生命危險之虞。

Bị bệnh phải nằm viện hoặc mang thai, nếu xuất cảnh sẽ có nguy hiểm đến tính mạng.

三、外國人、港澳居民及無戶籍國民，在臺灣地區設有戶籍之配偶、直系血親、三親等內之旁系血親、二親等內之姻親；大陸地區人民在臺灣地區設有戶籍之配偶、二親等內之血親、配偶之父母或子女之配偶在臺灣地區患重病或受重傷住院或死亡等。

Người nước ngoài, người Hồng Kông, Ma Cao và công dân không

có hộ khẩu; phối ngẫu, người có cùng dòng máu về trực hệ, người có họ trong vòng 3 đời, có họ trong vòng 2 đời với các mối quan hệ hôn nhân có đăng ký hộ khẩu tại Đài Loan; phối ngẫu, người có quan hệ huyết thống trong vòng 2 đời, bố/ mẹ của vợ/ chồng hoặc phối ngẫu của con cái của người Trung Quốc có đăng ký hộ khẩu tại Đài Loan bị ốm nặng, bị thương phải điều trị tại bệnh viện hoặc qua đời v.v...

四、遭遇天災或其他不可避免之事變。

Gặp thiên tai và những việc bất khả kháng.